

Số 1411 + 1412

Ngày 30 tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

15-9-2025 -	Nghị định số 246/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.	3
15-9-2025 -	Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.	12

VĂN BẢN KHÁC**CHÍNH PHỦ**

15-9-2025 -	Nghị quyết số 282/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.	16
-------------	--	----

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

13-9-2025 -	Quyết định số 2020/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ.	38
15-9-2025 -	Quyết định số 2024/QĐ-TTg ban hành Quy chế sử dụng số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc.	81
18-9-2025 -	Chỉ thị số 28/CT-TTg về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.	90

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 246/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;**Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng như sau:

1. Sửa đổi điểm c và bổ sung điểm d khoản 2 Điều 8 như sau:

"c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay;

d) Theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA."

2. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

"2. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 8 và các điểm c, d khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ."

4. Sửa đổi tên khoản 3 Điều 9 như sau:

"3. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay, bao gồm:"

5. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 9 như sau:

"3a. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA, bao gồm:

- a) Tờ khai theo Mẫu số 02a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- c) Văn bản đồng ý xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay của những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn so với quyền lợi quốc tế của người đề nghị xóa đăng ký hoặc có tài liệu chứng minh các quyền lợi quốc tế được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn đã được thực hiện;

- d) Trường hợp người được chỉ định tại văn bản IDERA là người nhận bảo đảm bằng tàu bay, hồ sơ phải bao gồm cả tài liệu chứng minh người đề nghị xóa đăng

ký đã thông báo bằng văn bản đến những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký, chủ sở hữu tàu bay, người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay về việc đề nghị xóa đăng ký tàu bay ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày nộp hồ sơ đề nghị."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

"5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu theo Mẫu số 06a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định."

Điều 2. Bổ sung, thay thế cụm từ, bãi bỏ một số điểm của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay như sau:

1. Bổ sung Mẫu số 02a, Mẫu số 06a và Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thay thế cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" bằng cụm từ "Bộ Xây dựng" tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30.

3. Thay thế cụm từ "BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI" bằng cụm từ "BỘ XÂY DỰNG", thay thế cụm từ "MINISTRY OF TRANSPORT" bằng cụm từ "MINISTRY OF CONSTRUCTION" tại các Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09, Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.

4. Bãi bỏ điểm c và d khoản 3 Điều 9.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA đã gửi đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục**MẪU TỜ KHAI, GIẤY CHỨNG NHẬN, THÔNG BÁO SỬ DỤNG KHI ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH VÀ ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 246/2025/NĐ-CP
ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)*

STT	TÊN MẪU TỜ KHAI, GIẤY CHỨNG NHẬN, THÔNG BÁO
Mẫu số 02a	TỜ KHAI xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu (Dành cho Người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay - IDERA)
Mẫu số 06a	Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu (Dành cho Người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay - IDERA)
Mẫu số 15	Thông báo về việc trả lại hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết

Mẫu số 02a

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF ORGANIZATION**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
Independence - Freedom - Happiness**TỜ KHAI**

Xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu
(Dành cho Người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay (IDERA))
Application for deregistration of aircraft and export certificate of airworthiness
(For Irrevocable Deregistration and Export Request Authorisation (IDERA))

I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT

1. Tên/Full name:
2. Quốc tịch/Nationality:
3. Địa chỉ/Address:
4. Điện thoại/Tel:

II. TÀU BAY/AIRCRAFT

1. Tàu bay mới/New aircraft ☐ Đã qua sử dụng/Used aircraft ☐
2. Loại tàu bay/Type of aircraft:
3. Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:
4. Nhà sản xuất/Manufacturer:
5. Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft serial number:
6. Trọng lượng cất cánh tối đa/MTOW:
7. Năm xuất xưởng/Manufacture Year:
8. Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and designation of engines:
9. Số lượng và kiểu loại cánh quạt/Number and designation of propellers:
10. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/Nationality and registration mark:
11. Dự định xuất khẩu đến Quốc gia/State to which intended export:

III. TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SAU ĐÂY/APPLICATION FOR ISSUANCE THE FOLLOWING CERTIFICATE

Xóa đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam/Deregistration of Vietnamese nationality of aircraft Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate: - Số/No.: - Ngày cấp/Date of issued:	☐
Xóa đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam/Deregistration of temporary Vietnamese nationality of aircraft Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/Issued registration certificate: - Số/No.: - Ngày cấp/Date of issued:	☐

Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:

Ngày tháng năm

Date month year

Người đề nghị/Applicant

(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

Ghi chú/Note:

* Thông tin trong tờ khai phải được người làm đơn kê khai đầy đủ./All information in the declaration form must be fully declared by the applicant.

Mẫu số 06a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAMBỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTIONCỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY XUẤT KHẨU
(Dành cho Người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay
(IDERA))EXPORT CERTIFICATE OF AIRWORTHINESS
(For Irrevocable Deregistration and Export Request Authorisation (IDERA))

Giấy chứng nhận này không có giá trị để đưa tàu bay vào khai thác, trừ khi kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do quốc gia đăng ký cấp/ <i>Unless accompanied by a Certificate of Airworthiness issued by the State of Registry, this Certificate does not constitute authority for flight.</i>		
Kiểu loại, mẫu mã và biến thể tàu bay/ <i>Make, model & variant:</i>	Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i>	
Loại động cơ/ <i>Engine model:</i>	Loại cánh quạt/ <i>Propeller Model:</i>	
Số xuất xưởng/ <i>Serial Number:</i>		
Tàu bay mới/ <i>New aircraft:</i> ☐	Mới đại tu/ <i>Newly overhauled:</i> ☐	Tàu bay cũ/ <i>Used aircraft:</i> ☐
Xuất khẩu tới/ <i>State to which exported:</i>		
Ghi chú/ <i>Remarks/Exceptions:</i>		

Ngày ban hành/*Date of issue:*Ký tên/*Signature*

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**MINISTRY OF CONSTRUCTION
CIVIL AVIATION AUTHORITY
OF VIETNAM**

**Mẫu số 15
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/Number ref: /TB-CHK

*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
Hanoi, day.... month.... year.....*

THÔNG BÁO

Về việc trả lại hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết

NOTICE

Regarding the return of documents due to insufficient conditions for resolution

Kính gửi/To:.....

Ngày..... tháng..... năm....., Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận hồ sơ của Ông/bà..... về việc.....

On day..... month..... year....., the Civil Aviation Authority of Vietnam received the application from Mr./Ms..... regarding.....

Mã hồ sơ/Application code:.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Scheduled time for returning results:.....

Sau khi thẩm định/thẩm tra/xác minh và đối chiếu với các quy định hiện hành./After appraisal/verification/confirmation and comparison with current regulations.

Cục Hàng không Việt Nam trả lại hồ sơ do không đủ điều kiện giải quyết với lý do sau/The Civil Aviation Authority of Vietnam returns the application due to insufficient conditions for resolution for the following reason:

.....
.....
.....
.....
.....

Cục Hàng không Việt Nam thông báo đề Ông/bà..... biết và hoàn thiện các nội dung nêu trên trước khi nộp lại hồ sơ.

The Civil Aviation Authority of Vietnam informs Mr./Ms..... to be aware and complete the above-mentioned contents before re-submitting the application.

Trân trọng./.

Sincerely./.

(Ký và ghi rõ họ tên)
(Sign and state full name)

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66.3/2025/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian
Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;**Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15;**Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi một số điều bởi Luật số 57/2024/QH15;**Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Chính phủ ban hành Nghị quyết tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định về biện pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Quy định về biện pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã

1. Căn cứ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt trước thời điểm 01 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp

xếp để thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương mà không bị ràng buộc bởi các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm (2021 - 2025).

2. Cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Xử lý trường hợp sử dụng đất có sự mâu thuẫn giữa các quy hoạch hoặc chưa phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt

1. Trường hợp khi thực hiện dự án đã được xác định trong quy hoạch ngành quốc gia, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn mà có mâu thuẫn chồng chéo với các quy hoạch ngành khác thì cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch được lập theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trường hợp phải thu hồi đất để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhưng chưa có trong quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất. Trên cơ sở thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất không thống nhất thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Đối với những dự án đã được chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật về đầu tư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành mà phải thu hồi đất quốc phòng, đất an ninh, tài sản gắn liền với đất để chuyển giao cho địa phương thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhưng diện tích đất dự kiến thu hồi chưa được xác định trong quy hoạch

sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh là đất chuyển giao cho địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thu hồi lấy ý kiến Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đối với đất an ninh. Trên cơ sở thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an không thống nhất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thu hồi chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đảm bảo có trong quy hoạch sử dụng đất được duyệt trước ngày 01 tháng 8 năm 2024.

4. Trường hợp phải thu hồi đất quốc phòng, đất an ninh, tài sản gắn liền với đất để chuyển giao cho địa phương thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhưng diện tích đất dự kiến thu hồi chưa được xác định trong quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh là đất chuyển giao cho địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất thu hồi, lấy ý kiến của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an đối với đất an ninh. Trên cơ sở thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an không thống nhất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Diện tích đất thuộc các dự án quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sau khi thu hồi phải được cập nhật khi rà soát, điều chỉnh các quy hoạch theo quy định pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình cấp có thẩm quyền quyết định, phù hợp với đơn vị hành chính mới sau sắp xếp, sáp nhập;

b) Hướng dẫn thi hành Nghị quyết này đối với một số vấn đề liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh (nếu có).

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham mưu Chính phủ rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 60, Điều 80, Điều 84 và các nội dung có liên quan của Luật Đất đai, khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch, điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư và các nội dung có liên quan của Luật Đầu tư để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này;

b) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các dự án bảo đảm kịp thời, đúng quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan chủ động rà soát, xác định, cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng đất của đơn vị hành chính cấp tỉnh mới của địa phương trong tình hình mới phục vụ công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia đảm bảo không gian phát triển.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới có hiệu lực thi hành sau ngày Nghị quyết này được thông qua, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt và trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng được ban hành trong Nghị quyết này chấm dứt hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

VĂN BẢN KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 282/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị
về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc
và nâng cao sức khỏe Nhân dân**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về
một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe
Nhân dân;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Tờ trình số 1271/TTr-BYT ngày 13
tháng 9 năm 2025;*

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Thành Long

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**

**Thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025
của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ,
chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân**

(Kèm theo Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 72-NQ/TW).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW để đạt mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam khỏe mạnh, mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe, sống lâu, sống khỏe, sống lành mạnh, nâng cao thể chất, ý thức bảo vệ sức khỏe và chủ động phòng ngừa bệnh tật trong toàn xã hội, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 72-NQ/TW đề ra, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe, tăng cường nhận thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, tạo ý thức tự giác, chủ động trong phòng bệnh của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan đơn vị xây dựng, tổ chức triển khai truyền thông, giáo dục sức khỏe, tăng cường nhận thức về bảo vệ,

chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, đa dạng hóa các hình thức, phương thức tuyên truyền, cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng.

- Trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị phải lồng ghép và ưu tiên bổ sung các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định lấy ngày 07/4 hằng năm là “Ngày sức khỏe toàn dân”.

- Xây dựng Đề án/Chương trình đưa nội dung giáo dục sức khỏe vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học, bậc học; triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, dinh dưỡng học đường tại cơ sở giáo dục.

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường cho giai đoạn mới.

- Xây dựng các mô hình cộng đồng, trường học và nơi làm việc an toàn, khỏe mạnh.

- Thực hiện đổi mới mạnh mẽ tư duy quản trị ngành y tế, tạo môi trường quản trị minh bạch và trách nhiệm giải trình gắn với cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền triệt để. Triển khai giải pháp phòng chống lạm dụng, trục lợi chính sách và vi phạm pháp luật trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

2. Hoàn thiện thể chế, tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền

- Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để thể chế một số chính sách thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

- Tập trung hoàn thiện, ban hành các Luật: Dân số, Phòng bệnh, An toàn thực phẩm, Thiết bị y tế, Y học cổ truyền, Phòng, chống tác hại thuốc lá. Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và thi hành pháp luật.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035.

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ về tiêm chủng; Nghị định thay thế Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.

- Xây dựng Đề án phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện giai đoạn 2026 - 2030; Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030; Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu; Đề án nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuộc lĩnh vực y tế.

- Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả của y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tập trung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trạm y tế cấp xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và các dịch vụ chăm sóc xã hội.

- Tập trung nguồn lực, phấn đấu đến năm 2030, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

- Tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công an để đáp ứng kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, biên giới, biển đảo.

- Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 28-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em; bảo đảm cho trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bình đẳng tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc phù hợp theo độ tuổi; tạo mọi điều kiện để mọi trẻ em đều có cơ hội phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

- Triển khai đầy đủ các chương trình, đề án hướng tới giảm bệnh tật, tử vong và cải thiện tình trạng dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em; thu hẹp sự khác biệt về các chỉ số sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản giữa các vùng miền; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành sản, nhi tại y tế

cơ sở; kết hợp chặt chẽ giữa việc đào tạo nâng cao năng lực cán bộ và nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, thuốc thiết yếu phục vụ cho việc dự phòng, phát hiện và xử trí cấp cứu sản khoa và sơ sinh.

- Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong đào tạo nhân lực, phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh; Xây dựng cơ chế đặc thù hỗ trợ đầu tư nuôi trồng, chế biến phát triển vùng trồng dược liệu chuyên canh đạt chuẩn; Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn nguồn tài nguyên dược liệu Việt Nam phát huy giá trị đa dụng của dược liệu; phát triển thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu đạt mức chất lượng tương đương của các nước có nền y học cổ truyền phát triển.

- Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực y tế và trao đổi, phát huy thế mạnh, tiềm năng của y tế Việt Nam.

3. Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế chất lượng, đồng bộ, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, thực hiện tốt mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Lương y phải như từ mẫu”, nâng cao ý thức tự học tập, rèn luyện, trau dồi y đức, quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp, tư vấn người bệnh. Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhân viên y tế; đổi mới và tăng cường giáo dục y đức, kiến thức pháp luật trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

- Xây dựng Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe; Nghị định sửa đổi Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 về phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế; Đổi mới và tăng cường giáo dục y đức, kiến thức pháp luật trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

- Xây dựng Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao; Đề án Phát triển nhân lực y tế cho trạm y tế cấp xã.

- Xây dựng và thực hiện Đề án đầu tư phát triển 05 trường đại học trọng điểm: Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Dược Hà Nội, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

- Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách duy trì đội ngũ nhân viên y tế, cô đỡ tại thôn bản; quan tâm đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản.

- Duy trì và phát triển đội ngũ công tác viên dân số; bồi dưỡng kiến thức để nâng cao năng lực chuyên môn về công tác dân số và phát triển; đầu tư và cung cấp trang thiết bị phù hợp để phục vụ công tác chuyên môn.

4. Đẩy mạnh cải cách tài chính y tế và phát triển hiệu quả, bền vững chính sách bảo hiểm y tế

- Ưu tiên bố trí và bảo đảm mức tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực y tế, bảo đảm ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng. Bố trí ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, biển đảo, lĩnh vực tâm thần, pháp y, pháp y tâm thần, hồi sức cấp cứu, giải phẫu bệnh và một số đối tượng đặc thù.

- Từ năm 2026, tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khỏe của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.

- Xây dựng và triển khai Đề án từng bước thực hiện chính sách miễn viện phí, trước hết là đối với đối tượng chính sách xã hội, người yếu thế, người có thu nhập thấp và một số đối tượng cần ưu tiên khác trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình.

- Xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế, cải cách thủ tục hành chính, sử dụng tiết kiệm chi phí quản lý, tăng chi cho khám bệnh, chữa bệnh.

- Nghiên cứu, xây dựng lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế; mở rộng phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế và chi trả cho một số dịch vụ phòng bệnh, khám sàng

lọc, chẩn đoán sớm một số bệnh; sàng lọc trước sinh và sơ sinh một số bệnh, tật bẩm sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản do Bộ Y tế quy định phù hợp với lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế.

- Khuyến khích phát triển bảo hiểm sức khỏe thương mại. Nghiên cứu thí điểm, đa dạng hóa các gói bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế bổ sung theo nhu cầu của người dân, liên kết giữa bảo hiểm y tế với bảo hiểm sức khỏe thương mại. Nghiên cứu, triển khai đổi mới công tác quản lý đối với quỹ bảo hiểm y tế.

5. Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực y tế

- Ban hành Chiến lược chuyển đổi số y tế đến năm 2030.

- Ưu tiên bố trí kinh phí từ quỹ phát triển khoa học công nghệ cấp quốc gia cho lĩnh vực y tế, trong đó tập trung cho nghiên cứu, sản xuất thuốc mới, thuốc ứng dụng công nghệ cao, thuốc dược liệu tiêu chuẩn hóa, dạng bào chế hiện đại, vắc xin, sinh phẩm phòng và điều trị bệnh.

- Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số y tế toàn diện; hoàn thành, vận hành hiệu quả sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử; kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế; kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tăng cường công tác phối hợp trong nghiên cứu khoa học, kết hợp viện trường, nâng cao năng lực các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, kỹ thuật cao, phòng thí nghiệm trọng điểm và các cơ sở nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế. Ưu tiên nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học, y học cá thể, giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh; tăng cường hợp tác với các quốc gia có trình độ khoa học công nghệ y tế phát triển trên thế giới.

- Phát triển công nghiệp dược, thiết bị y tế, bảo đảm tự chủ về vắc xin, thuốc, thiết bị y tế; không ngừng nâng cao năng lực tự chủ về thuốc, vắc xin, sinh phẩm, nguyên liệu làm thuốc và thiết bị y tế.

6. Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển y tế

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân, huy động các nguồn lực xã hội trong công tác chăm sóc

sức khỏe Nhân dân. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư của tư nhân. Triển khai các mô hình hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế, sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế

- Ưu tiên dành quỹ đất sạch, đất thu hồi của các dự án, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất dành cho y tế; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án xây dựng, phát triển các cơ sở chăm sóc sức khỏe.

- Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho các cơ sở y tế; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở y tế tư nhân theo quy định

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, không để trục lợi chính sách, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, thất thoát các nguồn lực, xử lý nghiêm các sai phạm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 72 -NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết 72- NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 11 năm 2025.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động của Chính phủ và Phụ lục kèm theo; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật về ngân sách, phù hợp khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Y tế để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ, TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I. Đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân (12 nhiệm vụ)					
1	Truyền thông, giáo dục, tư vấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, tạo ý thức tự giác, chủ động trong phòng bệnh của mỗi cá nhân và toàn xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương	Các kế hoạch, hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe được triển khai	Thường xuyên
2	Lồng ghép và ưu tiên các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Các cơ quan liên quan	Các chỉ tiêu được đưa vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế	Hàng năm và từng giai đoạn

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
3	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định lấy ngày 07/4 hằng năm là “Ngày sức khỏe toàn dân”	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan	Quyết định ban hành	Quý I/2026
4	Xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao, không gian công cộng phục vụ rèn luyện sức khỏe cho Nhân dân; đẩy mạnh phong trào toàn dân chủ động chăm sóc sức khỏe, xây dựng văn hóa sức khỏe trong nhân dân	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2026
5	Triển khai các giải pháp đồng bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ, tai nạn, thương tích, bạo lực gia đình	Các bộ, ngành, địa phương theo phương theo chức năng, nhiệm vụ	Các bộ, ngành, cơ quan liên quan	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
6	Triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2030	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
7	Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thay thế Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường cho giai đoạn mới	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
8	Xây dựng Đề án/Chương trình đưa nội dung giáo dục sức khỏe vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học, bậc học; triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, dinh dưỡng học đường tại cơ sở giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế, các bộ, ngành, địa phương	Quyết định ban hành	Quý III/2026, triển khai thường xuyên
9	Xây dựng và triển khai các mô hình cộng đồng, trường học và nơi làm việc an toàn, khỏe mạnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (trường học); Bộ Nội vụ (nơi làm việc); Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (cộng đồng)	Các bộ, ngành, địa phương	Hướng dẫn về các mô hình học, làm việc sinh hoạt cộng đồng an toàn, khỏe mạnh.	Thường xuyên
10	Triển khai kiểm soát các yếu tố nguy cơ từ môi trường (đất, nước, không khí...) ảnh hưởng tới sức khỏe	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Hoạt động hằng năm	Thường xuyên
11	Khảo sát đánh giá thực trạng hiểu biết sức khỏe của người dân Việt Nam	Bộ Y tế	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo	
12	Triển khai giải pháp phòng chống lạm dụng, trục lợi chính sách và vi phạm pháp luật trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân	Các bộ, ngành, địa phương		Hoạt động hằng năm	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
II - Hoàn thiện thể chế, tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền (15 nhiệm vụ)					
13	Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để thể chế một số chính sách thuộc thẩm quyền của Quốc hội	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương	Nghị quyết của Quốc hội	Quý IV/2025
14	Tập trung hoàn thiện, ban hành các Luật: Dân số, Phòng bệnh, An toàn thực phẩm, Thiết bị y tế, Y học cổ truyền, Phòng chống tác hại thuốc lá...	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành	Luật được Quốc hội thông qua	2025 - 2030
15	Xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương	Nghị quyết của Quốc hội	2026
16	Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	2026
17	Xây dựng Nghị định của Chính phủ về tiêm chủng	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các bộ, ngành	Nghị định của Chính phủ	2026
18	Tiếp tục thực hiện sắp xếp, chuyển một số bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế về cấp tỉnh quản lý, Bộ Y tế quản lý một số bệnh viện cấp chuyên sâu kỹ thuật cao, đầu ngành để thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo chuyên môn,	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan, địa phương		2025 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	đào tạo nhân lực chất lượng, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật, điều phối phòng, chống dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm họa, an ninh y tế.				
19	Xây dựng và triển khai hiệu quả các Chiến lược, Chương trình, Đề án thuộc Kế hoạch triển khai, thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc ban hành tại Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành liên quan, địa phương	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
20	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Y tế	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý II/2026
21	Xây dựng Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Y tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
22	Thực hiện luân phiên, luân chuyển nhân lực y tế về công tác tại trạm y tế xã, thôn bản	Bộ Y tế, các địa phương	Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan	Hoạt động hằng năm	Thường xuyên
23	Triển khai hiệu quả việc liên thông, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung về y tế, bảo hiểm y tế và dữ liệu dân cư	Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Tài chính	Các địa phương	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
24	Xây dựng Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026
25	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuộc lĩnh vực y tế	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026
26	Triển khai chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình	Bộ Y tế	Các địa phương	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
27	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác được liệu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, các địa phương	Nghị định của Chính phủ	2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
III. Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế chất lượng, đồng bộ, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh và hội nhập quốc tế (09 nhiệm vụ)					
28	Tiếp tục đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, thực hiện tốt mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Luong y phải như từ mẫu”, nâng cao ý thức tự học tập, rèn luyện, trau dồi y đức, quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp, tư vấn người bệnh	Bộ Y tế, các bộ, ngành và Các địa phương	Các cơ quan liên quan	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
29	Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế; Đổi mới và tăng cường giáo dục y đức, kiến thức pháp luật trong đào tạo tạo khối ngành sức khỏe	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
30	Xây dựng Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp	Nghị định của Chính phủ	Quý IV/2026
31	Xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 về phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Nghị định của Chính phủ	2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
32	Xây dựng Đề án phát triển nhân lực y tế chất lượng cao	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, các địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2026
33	Ưu tiên các chương trình học bổng cho sinh viên khối ngành sức khỏe để đào tạo ở nước ngoài	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, các cơ quan liên quan	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
34	Khuyến khích đưa cán bộ y tế đi đào tạo chuyên sâu ở các nước có thể mạnh, kinh phí được chi trả từ các chương trình học bổng	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, các địa phương, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
35	Xây dựng Đề án Phát triển nhân lực y tế cho trạm y tế cấp xã	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, các địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026
36	Xây dựng và thực hiện Đề án đầu tư phát triển 05 trường đại học trọng điểm: Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Dược	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các bộ,	Quyết định ban hành	Quý IV/2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	Hà Nội, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam		ngành, cơ quan liên quan		
IV. Đẩy mạnh cải cách tài chính y tế và phát triển hiệu quả, bền vững chính sách bảo hiểm y tế (06 nhiệm vụ)					
37	Ưu tiên bố trí và bảo đảm mức tăng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực y tế, bảo đảm ngân sách nhà nước chi thường xuyên và chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng	Bộ Tài chính	Bộ Y tế và các bộ, ngành, địa phương	Dự toán ngân sách nhà nước dành cho lĩnh vực y tế; sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	Hàng năm
38	Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ Bảo hiểm y tế, cải cách thủ tục hành chính, sử dụng tiết kiệm chi phí quản lý, tăng chi cho khám bệnh, chữa bệnh, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm y tế	Bộ Tài chính	Bộ Y tế, các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2027
39	Khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình bảo hiểm sức khỏe	Bộ Tài chính	Bộ Y tế, các bộ, ngành, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả	2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
40	Tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khỏe của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân	Bộ Y tế	Các địa phương	Các hoạt động hằng năm	2026
41	Xây dựng Đề án từng bước thực hiện chính sách miễn viện phí, trước hết là đối với đối tượng chính sách xã hội, người yếu thế, người có thu nhập thấp và một số đối tượng cần ưu tiên khác trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2028
42	Thí điểm bảo hiểm y tế chi trả cho một số dịch vụ phòng bệnh, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh và đối tượng ưu tiên theo lộ trình	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương	Nghị định của Chính phủ	2027

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
V. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trong chăm sóc sức khỏe (04 nhiệm vụ)					
43	Ban hành Chiến lược chuyển đổi số y tế đến năm 2030	Bộ Y tế	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, các địa phương	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	Quý I/2026
44	Ưu tiên bố trí kinh phí từ quỹ phát triển khoa học công nghệ cấp quốc gia cho lĩnh vực y tế, trong đó tập trung cho nghiên cứu, sản xuất thuốc mới, thuốc ứng dụng công nghệ cao, thuốc được liệu tiêu chuẩn hóa, dạng bào chế hiện đại, vắc xin, sinh phẩm phòng và điều trị bệnh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Bộ Y tế	Kế hoạch bố trí ngân sách hằng năm	Thường xuyên
45	Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp dược	Bộ Y tế	Bộ Khoa học công nghệ và Truyền thông, Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan	Các hoạt động hằng năm	Thường xuyên
46	Đề án tăng cường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và dữ liệu	Bộ Y tế	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định ban hành	2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	Lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT) trong khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh, nghiên cứu khoa học, đào tạo, quản lý y tế; bệnh viện thông minh				
VI. Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển y tế (05 nhiệm vụ)					
47	Triển khai hoạt động hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật	Các bộ, ngành địa phương, các đơn vị	Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan	Báo cáo kết quả	Thường xuyên
48	Ưu tiên dành quỹ đất sạch, đất thu hồi của các dự án, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất dành cho y tế; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án xây dựng, phát triển các cơ sở chăm sóc sức khỏe	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo kết quả	Thường xuyên.
49	Thực hiện không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở y tế công lập, tư nhân hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận sau khi có Nghị quyết của Quốc hội	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
50	Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho các cơ sở y tế; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở y tế tư nhân theo quy định	Bộ Tài chính, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Các bộ, ngành, cơ quan liên quan	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
51	Tăng cường kiểm tra, giám sát, không để trục lợi chính sách, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, thất thoát các nguồn lực, xử lý nghiêm các sai phạm	Các bộ, ngành, địa phương	Các cơ quan liên quan	Hoạt động hằng năm	Thường xuyên

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính
liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc
phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về
Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động
sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này; tổng hợp vướng mắc để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Hòa Bình

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHƯƠNG ÁN**

**Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động
sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ**
*(Kèm theo Quyết định số 2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ*

Phần I

**NGÀNH, NGHỀ THUỘC DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ
KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ**

MỤC I

**NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 1:
KINH DOANH DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI**

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005129).

**Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ
đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.**

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của hợp đồng cung ứng lao động.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ. Phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.002027).

Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (15 yêu cầu, điều kiện) (YCDK)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Sửa đổi điều kiện hạn chế về nhóm ngành đào tạo cao đẳng trở lên đối với nhân viên nghiệp vụ tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP, chỉ quy định về trình độ đào tạo.

- Bãi bỏ điều kiện “Trường hợp doanh nghiệp thuê cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng thì thời hạn thuê phải còn ít nhất 02 năm tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép”.

- Bãi bỏ điều kiện “thời hạn thuê (nếu chi nhánh được doanh nghiệp dịch vụ giao tổ chức giáo dục định hướng thuê cơ sở vật chất) phải tối thiểu là 02 năm”.

Lý do: Tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong đàm phán hợp đồng thuê, phù hợp điều kiện thực tiễn và sự biến đổi nhanh chóng của thị trường.

- Bãi bỏ điều kiện “Doanh nghiệp dịch vụ giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải ký quỹ thêm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) đối với mỗi chi nhánh được giao nhiệm vụ”.

Lý do: Tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

- Bãi bỏ điều kiện “Doanh nghiệp dịch vụ phải duy trì quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng trong suốt thời gian hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

Lý do: thực hiện hậu kiểm.

- Bãi bỏ điều kiện “Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phải bảo đảm hoạt động thường xuyên, liên tục theo quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin trên mạng”.

Lý do: thực hiện hậu kiểm.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư

pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử để tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.010653)

Đổi Giấy phép hoạt động dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 74 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày còn 07 ngày làm việc.

- Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.010656).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc nghề hộ lý tại Nhật Bản (05 YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện doanh nghiệp “Đang thực hiện hợp đồng cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản”.

- Bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 giáo viên tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương để bồi dưỡng tiếng Nhật cho người lao động theo chương trình của Nhật Bản”.

Lý do: doanh nghiệp hoạt động dịch vụ cung ứng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản đã có nhân viên có trình độ tiếng Nhật N2 hoặc tương đương trở lên có thể đào tạo tiếng cho người lao động.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chuyển thành công bố điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở Nhật Bản.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.008388).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở Nhật Bản.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chuyển thành công bố điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở Nhật Bản, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

- Bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ngoài nước có năng lực tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương”.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15, Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013731).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài (06 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Bãi bỏ toàn bộ điều kiện đối với hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài.

Lý do: Tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động về mặt thời gian, nhanh chóng tiếp cận thị trường, từ đó rút ngắn thời gian cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Bãi bỏ toàn bộ điều kiện đối với hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.008387).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở Đài Loan (Trung Quốc) (05 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Chuyển thành công bố điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở Đài Loan (Trung Quốc).

- Bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ngoài nước có năng lực tiếng Trung trình độ tối thiểu HSK5 hoặc tương đương”.

Lý do: Doanh nghiệp đã có nhân viên nghiệp vụ có trình độ ngoại ngữ phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 12, 13 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013727).

Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Gộp với thủ tục “Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày” (mã TTHC: 1.005132) thành thủ tục “Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập”; tránh trùng lặp do 02 TTHC này giống nhau và đều được giao thực hiện tại địa phương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

9. Thủ tục hành chính 9

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.005132).

Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Gộp với thủ tục “Đăng ký nhận hợp đồng lao động thực tập trên 90 ngày” thành thủ tục “Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập” (mã TTHC: 1.013727).

- Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của hợp đồng nhận lao động thực tập.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ, phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường, có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc còn 03 ngày làm việc.
- Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

10. Thủ tục hành chính 10

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013733).

Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của văn bản đề nghị hoặc thỏa thuận hợp tác với bên nước ngoài tiếp nhận lao động.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ, phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường, có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Phương án chuẩn bị nguồn lao động, trong đó nêu rõ số lượng người lao động, thời gian và phương thức chuẩn bị nguồn lao động”;

+ “Cam kết ưu tiên tuyển chọn người lao động đã tham gia hoạt động chuẩn bị nguồn lao động”.

Lý do: Các nội dung này sẽ đưa vào Văn bản về việc chuẩn bị nguồn, không cần thiết phải lập thành văn bản riêng.

- Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18, Điều 20 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 và Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021; Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

11. Thủ tục hành chính 11

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013730).

Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài.

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Đơn giản hóa điều kiện đối với doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài; giảm thời gian thực hiện TTHC và chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 36, điểm d khoản 1 Điều 40 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Bãi bỏ Mục 2 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

12. Thủ tục hành chính 12

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000502).

Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ toàn bộ điều kiện ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài.

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Đơn giản hóa điều kiện đối với doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài; giảm thời gian thực hiện TTHC và chi phí tuân thủ TTHC cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 36, điểm d khoản 1 Điều 40 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Bãi bỏ Mục 2 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

13. Thủ tục hành chính 13

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013729)

Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài (03 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và tiết kiệm thời gian thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 30, 31 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

14. Thủ tục hành chính 14

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013728).

Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (03 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Chuyển thành công bố điều kiện kinh doanh thay vì cấp văn bản trả lời cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33, 34 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

15. Thủ tục hành chính 15

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.002104).

Hỗ trợ cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Mở rộng đối tượng được hỗ trợ: người lao động là người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; là thanh niên tình nguyện hoàn thành nghĩa vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; là trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng; người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân.

Lý do: Người lao động là người dân tộc thiểu số, chỉ cần khai thác trên tài khoản định danh điện tử mức độ 02.

- Đơn giản hóa Mẫu giấy xác nhận người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng.

- Phân cấp từ cấp Bộ xuống Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

16. Thủ tục hành chính 16

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005153).

Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 13 và Điều 14 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

17. Thủ tục hành chính 17

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.001984).

Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, phát triển và ổn định thị trường lao động nước ngoài.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

- Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

18. Thủ tục hành chính 18

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005050).

Hỗ trợ doanh nghiệp trong các trường hợp: (i) giải quyết rủi ro cho người lao động; (ii) đưa thi hài, di hài của người lao động bị chết về nước.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

- Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm gánh nặng chi phí và thời gian trong việc thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

MỤC II

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 2:

KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000354).

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (04 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện về thiết bị, đề xuất sửa điều kiện thành “Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định”.

- Đơn giản hóa điều kiện về kinh nghiệm làm kiểm định viên đối với người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định, đề xuất giảm thời gian kinh nghiệm từ 02 năm xuống 01 năm.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Lý do: Căn cứ quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, có 08 Bộ cùng thực hiện TTHC này. Tuy nhiên, qua 10 năm triển khai, chỉ xuất hiện TTHC tại 04 Bộ

(Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương, trong đó có đơn vị kiểm định phải thực hiện TTHC tại 03 Bộ (Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương). Riêng lĩnh vực Quốc phòng chỉ có duy nhất 01 tổ chức kiểm định thuộc Bộ cung cấp kiểm định. Vì vậy, đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng nhằm thực hiện theo kiến nghị¹ của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động, theo kiến nghị của một số tổ chức thực hiện TTHC và thực tiễn triển khai.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 18 ngày làm việc.

Lý do: Quy đổi ra ngày làm việc để thuận lợi trong việc tái cấu trúc quy trình theo từng bước công việc.

- Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến một phần trong giải quyết TTHC (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức/cá nhân trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Bãi bỏ Phụ lục Ib của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.000199).

¹ Nội dung đề xuất có trong Báo cáo giám sát chuyên đề số 2008/BC-UBVDDXH14 ngày 16/5/2019 của Ủy ban Các vấn đề xã hội.

Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (05 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện về thiết bị, đề xuất sửa điều kiện thành “Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định”.

- Đơn giản hóa điều kiện về kinh nghiệm làm kiểm định viên đối với người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định, đề xuất giảm thời gian kinh nghiệm từ 02 năm xuống 01 năm.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Lý do: Căn cứ quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, có 08 Bộ cùng thực hiện TTHC này. Tuy nhiên, qua 10 năm triển khai, chỉ xuất hiện TTHC tại 04 Bộ (Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương, trong đó có đơn vị kiểm định phải thực hiện TTHC tại 03 Bộ (Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương). Riêng lĩnh vực Quốc phòng chỉ có duy nhất 01 tổ chức kiểm định thuộc Bộ cung cấp kiểm định. Vì vậy, đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng nhằm thực hiện theo kiến nghị² của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động, theo kiến nghị của một số tổ chức thực hiện TTHC và thực tiễn triển khai.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 18 ngày làm việc.

Lý do: Quy đổi ra ngày làm việc để thuận lợi trong việc tái cấu trúc quy trình theo từng bước công việc.

- Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến một phần trong giải quyết TTHC (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

² Nội dung đề xuất có trong Báo cáo giám sát chuyên đề số 2008/BC-UBVDDXH14 ngày 16/5/2019 của Ủy ban Các vấn đề xã hội.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Bãi bỏ Phụ lục Ib của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000137).

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận (04 YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện về thiết bị, đề xuất sửa điều kiện thành “Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định”.

- Đơn giản hóa điều kiện về kinh nghiệm làm kiểm định viên đối với người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định, đề xuất giảm thời gian kinh nghiệm từ 02 năm xuống 01 năm.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Lý do: Căn cứ quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, có 08 Bộ cùng thực hiện TTHC này. Tuy nhiên, qua 10 năm triển khai, chỉ xuất hiện TTHC tại 04 Bộ

(Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương, trong đó có đơn vị kiểm định phải thực hiện TTHC tại 03 Bộ (Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương). Riêng lĩnh vực Quốc phòng chỉ có duy nhất 01 tổ chức kiểm định thuộc Bộ cung cấp kiểm định. Vì vậy, đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng nhằm thực hiện theo kiến nghị³ của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động, theo kiến nghị của một số tổ chức thực hiện TTHC và thực tiễn triển khai.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 18 ngày làm việc.

Lý do: Quy đổi ra ngày làm việc để thuận lợi trong việc tái cấu trúc quy trình theo từng bước công việc.

- Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến một phần trong giải quyết TTHC (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Bãi bỏ Phụ lục Ib của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000131).

³ Nội dung đề xuất có trong Báo cáo giám sát chuyên đề số 2008/BC-UBVDDXH14 ngày 16/5/2019 của Ủy ban Các vấn đề xã hội.

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Lý do: Căn cứ quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, có 08 Bộ cùng thực hiện TTHC này. Tuy nhiên, qua 10 năm triển khai, chỉ xuất hiện TTHC tại 04 Bộ (Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương, trong đó có đơn vị kiểm định phải thực hiện TTHC tại 03 Bộ (Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương). Riêng lĩnh vực Quốc phòng chỉ có duy nhất 01 tổ chức kiểm định thuộc Bộ cung cấp kiểm định. Vì vậy, đề xuất Bộ Nội vụ là cơ quan thống nhất giải quyết TTHC này, trừ lĩnh vực đặc thù thuộc Bộ Quốc phòng nhằm thực hiện theo kiến nghị⁴ của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá thực thi Luật An toàn, vệ sinh lao động, theo kiến nghị của một số tổ chức thực hiện TTHC và thực tiễn triển khai.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 18 ngày làm việc.

Lý do: Quy đổi ra ngày làm việc để thuận lợi trong việc tái cấu trúc quy trình theo từng bước công việc.

- Ứng dụng dịch vụ công trực tuyến một phần trong giải quyết TTHC (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

⁴ Nội dung đề xuất có trong Báo cáo giám sát chuyên đề số 2008/BC-UBVDDXH14 ngày 16/5/2019 của Ủy ban Các vấn đề xã hội.

- Bãi bỏ Phụ lục Ib của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000148).

Cấp Chứng chỉ kiểm định viên (03 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Đơn giản hóa điều kiện “Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực” thành điều kiện “Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định”.

Về quy định thủ tục hành chính:

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 9, Điều 13 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.000037).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên (03 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Đơn giản hóa điều kiện “Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực” thành điều kiện “Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định”.

Về quy định thủ tục hành chính:

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 9, Điều 13 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000183).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp bị hỏng hoặc bị mất.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000187).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn (03 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Đơn giản hóa điều kiện “Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực” thành điều kiện “Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định”.

Về quy định thủ tục hành chính:

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 9

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000180).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi (03 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Bãi bỏ điều kiện “Chứng chỉ kiểm định viên chỉ được xem xét cấp lại sau thời hạn ít nhất 06 tháng, kể từ ngày bị thu hồi”.

Về quy định thủ tục hành chính:

Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân/tổ chức trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

MỤC III

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 3:

KINH DOANH DỊCH VỤ HUẤN LUYỆN AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005451).

Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C (10 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

- Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

- Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng C:

- Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

- Bãi bỏ điều kiện “Máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, nơi huấn luyện thực hành phải bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật”.

- Bãi bỏ điều kiện “Khu huấn luyện thực hành bảo đảm diện tích ít nhất 300 m²”.

- Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật nội dung nghiệp vụ, trong đó có 01 người huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện, 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động” thành “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ, trong đó có 02 người huấn luyện trình độ đại học trở lên”.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B. Quy định trở thành đơn vị hạng II, bổ sung thêm nhóm đối tượng được huấn luyện (nhóm 3) và không phải xin cấp Giấy chứng nhận, chỉ cần thỏa mãn điều kiện, lưu hồ sơ tại đơn vị; không phải nộp phí.

- Phân cấp cho địa phương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C. Quy định trở thành đơn vị hạng I, thời hạn Giấy chứng nhận kéo dài từ 5 năm thành 10 năm. Gia hạn tự động kéo dài với các đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện còn hiệu lực đến trước ngày nghị định được ký thành 10 năm.

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Đơn giản hóa Mẫu bản thuyết minh về các điều kiện, giải pháp thực hiện.

- Đơn giản hóa Mẫu tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 (trong đó bãi bỏ khoản a) Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 về phân loại tổ chức huấn luyện.

- Bãi bỏ khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Phân cấp cho địa phương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng I (Hạng C quy định trở thành đơn vị hạng I).

Giấy chứng nhận có thời hạn 10 năm. Gia hạn tự động kéo dài với các giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của các tổ chức đã được cấp giấy chứng nhận còn hiệu lực trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghị định được ký ban hành, có hiệu lực thêm 5 năm. Nghiên cứu, quy định cách thức kéo dài thời hạn gia hạn tự động để bảo đảm thuận tiện cho giao dịch của đơn vị được cấp giấy đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được thuận tiện.

Sửa đổi Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động đã được sửa đổi tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

Sửa đổi khoản 2 Điều 30 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005448).

Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C (10 YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

- Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.
- Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng C:

- Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.
- Bãi bỏ điều kiện “Máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, nơi huấn luyện thực hành phải bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật”.
- Bãi bỏ điều kiện “Khu huấn luyện thực hành bảo đảm diện tích ít nhất 300 m²”.
- Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật nội dung nghiệp vụ, trong đó có 01 người huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện, 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động” thành “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ, trong đó có 02 người huấn luyện trình độ đại học trở lên”.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ thủ tục gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B.
- Bãi bỏ thủ tục cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C. Không còn thủ tục “bổ sung” do chỉ cấp theo hạng I (Hạng C), bỏ phạm vi cấp theo nhóm 3 do đã chuyển Hạng II (Hạng B).
- Duy trì thủ tục: Cấp lại khi mất, hỏng giấy chứng nhận; cấp gia hạn khi giấy chứng nhận hết hạn và không thuộc trường hợp tự động gia hạn kéo dài do giấy chứng nhận hết hạn trước 30 ngày kể từ ngày Nghị định được ký ban hành; cấp đổi khi đổi tên và các thông tin khác. Đối với thủ tục gia hạn có thay đổi thông tin thì thực hiện như cấp mới. Đối với thủ tục cấp lại, có văn bản đề nghị. Đối với thủ tục cấp đổi tên và các thông tin khác, có văn bản đề nghị nêu rõ thông tin cần thay đổi.

Nghiên cứu, quy định cách thức kéo dài thời hạn gia hạn tự động vào các giấy cấp lại, cấp đổi khi đổi tên và các thông tin khác để bảo đảm thuận tiện cho giao dịch của đơn vị được cấp giấy đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được thuận tiện.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Phân cấp về địa phương, sửa đổi Điều 27 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Sửa đổi Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động đã được sửa đổi tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

Sửa đổi khoản 2 Điều 30 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Bổ sung thủ tục thông báo tạm dừng, chấm dứt hoạt động bằng văn bản.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.005449).

Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) (04 YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

- Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

- Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này, tổ chức lưu hồ sơ tại tổ chức để chứng minh điều kiện khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

c) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B. Tổ chức đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B quy định trở thành đơn vị hạng II, bổ sung thêm nhóm đối tượng được huấn luyện (nhóm 3), chỉ cần thỏa mãn điều kiện, lưu hồ sơ tại đơn vị; không phải nộp phí.

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Phân cấp Hạng I (Hạng C) về địa phương, sửa đổi Điều 27 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

Sửa đổi Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.005450).

Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập (04YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

- Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

- Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Phân cấp Hạng I (Hạng C) về địa phương, sửa đổi Điều 27 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao

động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

Sửa đổi Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

MỤC IV

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 4:

KINH DOANH DỊCH VỤ VIỆC LÀM

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001865).

Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (05 YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện “theo hợp đồng từ 03 năm (36 tháng) trở lên” thành “theo hợp đồng từ 02 năm (24 tháng)”

Lý do: tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc bố trí trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ điều kiện “Là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”;

- Đơn giản hóa điều kiện: “đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù”; “đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc”; “trốn khỏi nơi cư trú”; “bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến dịch vụ việc làm” thành điều kiện “Không thuộc một trong các trường hợp sau đây: bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”.

- Đơn giản hóa điều kiện “trong thời hạn 05 năm liền kể trước khi đề nghị cấp giấy phép” thành “Có trình độ từ đại học trở lên hoặc đã có thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm trở lên”.

Lý do: Phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế tư nhân và liên thông dữ liệu.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “*Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm*” cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Việc làm năm 2025.

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa một số giấy tờ chứng minh kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001823).

Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (08 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện “theo hợp đồng từ 03 năm (36 tháng) trở lên” thành “theo hợp đồng từ 02 năm (24 tháng)”

Lý do: Tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc bố trí trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ điều kiện “Là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”;

- Đơn giản hóa điều kiện: “đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù”; “đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc”; “trốn khỏi nơi cư trú”; “bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến dịch vụ việc làm” thành điều kiện “Không thuộc một trong các trường hợp sau đây: bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”.

- Đơn giản hóa điều kiện “trong thời hạn 05 năm liền kể trước khi đề nghị cấp giấy phép” thành “Có trình độ từ đại học trở lên hoặc đã có thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động từ đủ 02 năm trở lên”.

Lý do: phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế tư nhân và liên thông dữ liệu.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “*Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm*” cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Việc làm năm 2025.

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa một số giấy tờ chứng minh kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001853).

Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “*Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm*” cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Việc làm năm 2025.

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý

lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa một số giấy tờ chứng minh kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

MỤC V **NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 5:** **KINH DOANH DỊCH VỤ CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000479).

Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (4 YCĐK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Bãi bỏ điều kiện “là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

Lý do: tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết các quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Bản lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Lý do: Có thể lồng ghép các nội dung cần thông tin vào Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 27 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000448).

Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Bản lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Lý do: Có thể lồng ghép các nội dung cần thông tin vào Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy phép có thay đổi nội dung; bị mất; hư hỏng.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 27 ngày làm việc còn 22 ngày làm việc đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn khác.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: Tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000464).

Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (07 YCDK).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Về yêu cầu, điều kiện:

Bãi bỏ điều kiện “là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

Lý do: tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết các quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

Lý do: Có thể lồng ghép các nội dung cần thông tin vào Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000436).

Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 17 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 28 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

PHẦN II CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP

1. Báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ việc làm (6 tháng đầu năm/năm) do doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm lập gửi Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (01 chế độ báo cáo).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua nền tảng cung cấp dịch vụ việc làm điện tử (vieclam.gov.vn).

- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 31 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm (6 tháng đầu năm/năm) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập gửi Bộ Nội vụ (01 chế độ báo cáo).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua nền tảng cung cấp dịch vụ việc làm điện tử (vieclam.gov.vn).

- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 35 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Báo cáo về tình hình đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (01 chế độ báo cáo).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài csdl.gov.vn.

- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 2 Điều 26 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4. Báo cáo khi doanh nghiệp dịch vụ giải thể, phá sản (01 chế độ báo cáo).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài csdl.gov.vn.

- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

5. Báo cáo nộp lại Giấy phép, thu hồi Giấy phép của doanh nghiệp dịch vụ (01 chế độ báo cáo).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài csdl.gov.vn.

- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 10 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Báo cáo sau khi hoàn thành hợp đồng đối với doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu (01 chế độ báo cáo).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài csdl.gov.vn.

- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cắt giảm chi phí.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 32 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế sử dụng số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;**Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ**

**Sử dụng số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin
về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra,
yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc sử dụng số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc theo quy định tại Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự và cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức, triển khai và khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp được quy định tại Nghị định số 200/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động

Hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 được kết nối tới các hệ thống tiếp nhận thông tin khẩn cấp 113, 114, 115, hệ thống Đài thông tin duyên hải Việt Nam và hệ thống thông tin liên lạc khác phục vụ trong lĩnh vực phòng thủ dân sự.

Điều 3. Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin**1. Tiếp nhận thông tin**

a) Số điện thoại 112 tiếp nhận nội dung thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân. Tổng đài 112 được đặt tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi chung là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh);

b) Hệ thống Tổng đài 112 tiếp nhận thông tin từ: Tổ chức, cá nhân; Hệ thống Tổng đài 113, 114, 115; Hệ thống thông tin liên lạc khác phục vụ trong lĩnh vực phòng thủ dân sự;

c) Nội dung tiếp nhận thông tin: Tên cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin; thời gian, địa điểm xảy ra sự cố, thảm họa; diễn biến, phạm vi ảnh hưởng, khả năng lan rộng; những yêu cầu trợ giúp và thông tin cần thiết khác phục vụ công tác ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

2. Xử lý thông tin

a) Trực ban Tổng đài 112 nhận được thông tin về sự cố, thảm họa phải kịp thời báo cáo người trực chỉ huy Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh kịp thời thông báo cho cơ quan chủ trì theo từng lĩnh vực được phân công; đồng thời báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cùng cấp và Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua số điện thoại 02437.333.664 hoặc 02437.349.821, 069.928.815) để chỉ đạo;

c) Cơ quan chủ trì từng lĩnh vực được phân công chủ động phối hợp với cơ quan thường trực và các lực lượng triển khai ứng phó, khắc phục, xử lý tình huống; căn cứ vào tính chất, mức độ của tình huống, trường hợp vượt quá khả năng cần huy động lực lượng, phương tiện ngoài thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh để quyết định;

d) Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh khi cần sự chi viện của Trung ương để ứng phó, khắc phục, xử lý tình huống, kịp thời báo cáo về Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;

đ) Các thông tin thuộc phạm vi xử lý của Tổng đài 113, 114, 115 được chuyển đến Tổng đài 113, 114, 115 để xử lý theo quy định;

e) Trực ban tổng đài có trách nhiệm xử lý thông tin kịp thời, đúng quy định; trường hợp xử lý thông tin chậm hoặc không đúng quy định, căn cứ vào mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 4. Quản lý, vận hành hệ thống

1. Bộ Quốc phòng là cơ quan quản lý, tổ chức khai thác và bảo đảm hoạt động hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân được đặt tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

2. Các doanh nghiệp viễn thông, người tiếp nhận, xử lý thông tin phải có trách nhiệm bảo mật dữ liệu về cuộc gọi, tin nhắn, đa phương tiện và dữ liệu cá nhân của người gọi; chỉ được lưu trữ dữ liệu cá nhân trong khoảng thời gian xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm tuân thủ việc bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

Chương II
TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN LIÊN LẠC
KHẨN CẤP SỬ DỤNG SỐ 112

Điều 5. Mục tiêu của tổ chức hệ thống

1. Tổ chức thống nhất từ Trung ương đến địa phương; có sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và lực lượng trong hoạt động phòng thủ dân sự; xây dựng hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 để tạo một kênh thông tin cho người dân thông báo về các sự cố, thiên tai, thảm họa, tai nạn xảy ra trên địa bàn; yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân.

2. Khi đưa hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 vào sử dụng, các số điện thoại khẩn cấp 113, 114, 115 hiện nay vẫn hoạt động bình thường. Đến thời điểm thích hợp sẽ định tuyến cuộc gọi đến các số điện thoại 113, 114, 115 về số điện thoại 112 để dùng chung và thống nhất trong công tác tiếp nhận thông tin khẩn cấp của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Nguyên tắc xây dựng hệ thống

1. Hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 được Bộ Quốc phòng

giao cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền đầu tư xây dựng trên cơ sở phát huy hạ tầng kỹ thuật có sẵn tại 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 được kết nối tới các hệ thống tiếp nhận thông tin khẩn cấp 113, 114, 115, hệ thống Đài thông tin duyên hải Việt Nam và hệ thống thông tin khác phục vụ phòng thủ dân sự.

3. Hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 trực tiếp tiếp nhận thông tin (từ cuộc gọi cố định, di động và đa phương tiện) tìm kiếm cứu nạn do các tổ chức, cá nhân có yêu cầu trợ giúp và chuyển đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý và chỉ huy, điều hành hoạt động ứng phó, xử lý và khắc phục hậu quả.

4. Thiết lập hệ thống tiếp nhận thông tin theo phân cấp trách nhiệm ứng phó các tình huống cơ bản và hệ thống tổ chức Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Điều 7. Yêu cầu hệ thống

1. Hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân được quản lý tập trung do Bộ Quốc phòng chỉ đạo và giao cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, khai thác sử dụng có kết nối với các mạng viễn thông, đơn vị tìm kiếm, cứu nạn, có khả năng tiếp nhận thông tin theo các phương án liên lạc khác nhau như từ cuộc gọi cố định, di động và đa phương tiện.

2. Thông tin báo nạn được phân cấp xử lý theo hệ thống tổ chức của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia trên cơ sở nguyên tắc: Tình huống xảy ra trên địa bàn địa phương nào thì địa phương đó chủ trì, chỉ đạo xử lý, trường hợp vượt quá khả năng xử lý của địa phương thì báo cáo cấp trên hỗ trợ, tăng cường lực lượng hoặc trực tiếp chỉ đạo.

3. Sử dụng quân nhân thuộc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh (Bộ CHQS cấp tỉnh) và Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia trực Tổng đài 112, hoạt động theo chế độ chuyên trách do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

4. Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ tiếp nhận, xử thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 phải đảm bảo kết nối dự phòng 1+1 với các hệ thống viễn thông và các cơ quan chức năng để đảm bảo hệ thống thông suốt trong mọi tình huống khẩn cấp, không làm gián đoạn dịch vụ.

Điều 8. Kinh phí duy trì hoạt động hệ thống

1. Nguồn kinh phí đầu tư, thiết lập, duy trì hoạt động hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn sử dụng số điện thoại 112 được bố trí từ nguồn kinh phí Nhà nước bố trí cho các cơ quan, địa phương liên quan.

2. Kinh phí duy trì hoạt động của hệ thống thông tin liên lạc ứng phó sự cố, thiên tai và phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn sử dụng số điện thoại 112 bao gồm kinh phí duy trì các đường truyền và kinh phí trả cho hoạt động khai thác.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 9. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

1. Chỉ đạo duy trì chế độ trực 24/7 tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp tiếp nhận thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc.

2. Chỉ đạo sử dụng lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách và huy động lực lượng, phương tiện kiêm nhiệm Bộ, ngành liên quan xử lý kịp thời, hiệu quả các sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn theo đề nghị của địa phương.

Điều 10. Bộ Quốc phòng

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tổ chức lực lượng chuyên trách duy trì chế độ trực Tổng đài 112 để tiếp nhận thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc; duy trì lực lượng, phương tiện ứng trực phòng

thủ dân sự ở các cấp, kịp thời điều động lực lượng, phương tiện ứng phó hiệu quả các tình huống, sự cố, thảm họa, các yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm duy trì hoạt động thông suốt của Tổng đài 112 trong mọi tình huống.

2. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền đầu tư, triển khai hệ thống phù hợp với hoạt động hệ thống tổ chức của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; chủ trì vận hành hệ thống Tổng đài 112 thông suốt từ Trung ương đến địa phương; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn sử dụng số điện thoại 112 đáp ứng yêu cầu thực tiễn đối với nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

3. Hằng năm tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, diễn tập nâng cao năng lực cho bộ phận trực ban tổng đài 112 về kỹ năng giao tiếp khẩn cấp; kiến thức cơ bản về sơ cứu; tiếp nhận thông tin bằng ngôn ngữ ký hiệu, các ngôn ngữ dân tộc thiểu số tại địa phương, tiếng Anh và một số ngoại ngữ phổ biến để hỗ trợ khách du lịch và người nước ngoài và một số kỹ năng khác.

4. Phối hợp với Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch trong công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến việc áp dụng số điện thoại 112 phục vụ tiếp nhận, xử lý thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc.

Điều 11. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn sử dụng số điện thoại 112 trên toàn quốc bảo đảm hệ thống hoạt động 24/7 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

2. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông miễn cước cuộc gọi cố định, di động, tin nhắn và đa phương tiện đến Tổng đài 112; kết nối với hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng thủ dân sự sử dụng số điện thoại 112 và đảm bảo khả năng truy nhập đến số điện thoại 112 thông suốt trong mọi tình huống.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng thiết lập hệ thống Tổng đài 112 (cung cấp vị trí, cơ sở hạ tầng, mặt bằng, quy mô sử dụng...) và hỗ trợ trong quá trình duy trì hệ thống.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện quy trình xử lý thông tin khẩn cấp thông qua hệ thống thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân sử dụng số điện thoại 112 theo thẩm quyền.

3. Trực tiếp chỉ đạo Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự duy trì chế độ trực, tiếp nhận thông tin về sự cố, thiên tai, thảm họa, những nguy cơ xảy ra, yêu cầu trợ giúp của tổ chức, cá nhân qua số điện thoại 112 xảy ra trên địa bàn và tổ chức chỉ đạo xử lý. Khi tình huống vượt quá khả năng báo cáo đề xuất với Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Điều 13. Nhiệm vụ của các đơn vị chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Duy trì nghiêm chế độ và lực lượng, phương tiện ứng trực phòng thủ dân sự; duy trì hoạt động hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn để tiếp nhận thông tin báo nạn từ địa phương và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia khi có tình huống xảy ra.

2. Chủ động phối hợp với địa phương xác minh, đánh giá tình hình vụ việc, sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn thông qua số điện thoại 112; báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về và đề xuất phương án xử lý hiệu quả.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 14. Khen thưởng, xử phạt**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện các sự cố, thiên tai, thảm họa, tai nạn và sử dụng hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn sử dụng số điện thoại 112 thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng hoặc trực tiếp tham gia ứng cứu, khắc phục hậu quả thì tùy theo

tính chất, mức độ, thành tích đạt được sẽ được xét khen thưởng theo quy định pháp luật; cá nhân vi phạm Quy chế, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, Bộ Quốc phòng kịp thời phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất những vấn đề nảy sinh cần sửa đổi, điều chỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/CT-TTg

*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2025***CHỈ THỊ****Về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, theo đó, Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 sẽ được tiến hành vào Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 là sự kiện chính trị lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước và từng địa phương; được tổ chức vào thời điểm đất nước đã tiến hành công cuộc đổi mới gần 40 năm, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, vị thế của nước ta trong khu vực và trên trường quốc tế ngày càng lớn mạnh. Cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp là hành trang mới, tạo khí thế mới đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, phồn vinh, thịnh vượng.

Cùng với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được Đảng, Quốc hội, Chính phủ xác định là những nhiệm vụ công tác trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong năm 2026; là đợt vận động và sinh hoạt dân chủ sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân để lựa chọn, bầu được những

đại biểu ưu tú, đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và các đại biểu đại diện cho Nhân dân địa phương tại Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn, giới thiệu, bầu người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật và phân công của Hội đồng bầu cử quốc gia; hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử trong toàn quốc; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong tổ chức bầu cử theo quy định; kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan theo dõi, cập nhật tình hình chuẩn bị, tiến độ thực hiện các bước của công tác bầu cử tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp để kịp thời tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai công tác thông tin, tuyên truyền; chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân về ý

nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền ứng cử, quyền bầu cử của công dân theo quy định của Hiến pháp; các nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn bầu cử của các bộ, cơ quan Trung ương; góp phần nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần tự giác của mọi công dân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác bầu cử.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm xác định đơn vị hành chính xã ở miền núi, Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm xác định đơn vị hành chính xã ở hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu trong nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Bộ Nội vụ công bố việc xác định đơn vị hành chính xã ở miền núi, hải đảo trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia và trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội (<http://www.quochoi.vn>) trước ngày 01 tháng 11 năm 2025.

4. Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và thông tin liên lạc thông suốt trong quá trình chuẩn bị, tổ chức bầu cử; đặc biệt là thời điểm trước, trong và sau ngày bầu cử.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện công tác bầu cử.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng kế hoạch, phương án triển khai lực lượng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh, trật tự tại những địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh; chỉ đạo và hướng dẫn các lực lượng quân đội, công an tham gia cuộc bầu cử.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phòng chống tấn công mạng, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin phục vụ bầu cử, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phát tán thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng đến cuộc bầu cử.

Bộ Công an cung cấp dữ liệu dân cư cho Hội đồng bầu cử quốc gia và Bộ Nội vụ; chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố cung cấp dữ liệu dân cư ở địa phương cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp để phục vụ cho việc tổng hợp, thống kê số liệu dân số, danh sách cử tri theo từng đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh điện tử (VneID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri,...

6. Bộ Tài chính cân đối bố trí kinh phí kịp thời để các cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện công tác bầu cử; hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí bầu cử; bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, yêu cầu, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

7. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình dịch bệnh; chỉ đạo các đơn vị y tế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử chủ động xây dựng các phương án đáp ứng phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn trong thời gian chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử.

8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình, chủ động ứng phó với những tình huống thiên tai xảy ra; chủ động xây dựng các phương án và phối hợp với các địa phương nhằm kịp thời ứng phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra ở một số địa bàn, khu vực trong thời gian chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử.

9. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc kê khai tài sản đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân trước, trong và sau cuộc bầu cử.

10. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kế hoạch công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động thực hiện và bảo đảm tiến độ việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử; công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; trình tự các bước tiến hành công việc trước, trong, sau ngày bầu cử và các điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ cho cuộc bầu cử.

Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm đảm bảo hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ cuộc bầu cử; chỉ đạo các cơ quan quân đội, công an ở địa phương xây dựng các kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và tại các địa điểm bỏ phiếu; bảo đảm cho cuộc bầu cử diễn ra an toàn, đúng pháp luật; xây dựng phương án dự phòng, kịch bản tổ chức bầu cử trong điều kiện khẩn cấp (dịch bệnh, thiên tai...) để bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành liên tục, không bị gián đoạn. Đồng thời, tập trung triển khai có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của địa phương, chuẩn bị tốt cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và cả giai đoạn 2026 - 2031.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tổ chức, thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở địa phương theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của các bộ, cơ quan Trung ương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khẩn trương triển khai công tác

chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử; tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử theo thẩm quyền; kịp thời gửi báo cáo đến Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình công tác chuẩn bị, triển khai và tổ chức cuộc bầu cử, trong ngày bầu cử theo tiến độ từng giai đoạn của cuộc bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 thành công tốt đẹp./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Hòa Bình

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.44243
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>